

#### Câu hỏi trắc nghiệm đúng sai môn Kinh tế phát triển (4)

1. Mô hình cổ điển cho rằng đất đai là yếu tố quan trọng của tăng trưởng đồng thời là yếu tố giới hạn của tăng trưởng (D)
2. Theo Mác: đất đai, lao động, vốn và tiến bộ kỹ thuật là những nhân tố tác động tới tăng trưởng kinh tế, trong đó vai trò của các yếu tố tiến bộ kỹ thuật là quan trọng nhất (S)
3. Mô hình J.Keynes cho rằng nền kinh tế có thể tự điều chỉnh đi đến điểm cân bằng ở mức sản lượng tiềm năng (S)
4. Lý thuyết tăng trưởng kinh tế hiện đại thống nhất với mô hình kinh tế tân cổ điển về cách thức phối hợp các yếu tố đầu vào (S)
5. Lý thuyết tăng trưởng kinh tế hiện đại thống nhất với mô hình tân cổ điển về việc xác định yếu tố quan trọng tác động đến tăng trưởng kinh tế.(D)
6. Nội dung chính của quy luật tiêu dùng sản phẩm của Engels đề cập tới mối quan hệ giữa thu nhập và sự biến đổi cơ cấu kinh tế (S)
7. Một trong những tiến bộ do công nghiệp hoá đưa lại là sự thay đổi trong cơ cấu dân cư và thu nhập (D)
8. Trong lý thuyết về các giai đoạn phát triển của Rostow, một trong những yếu tố cơ bản đảm bảo cho giai đoạn cất cánh là tỉ lệ đầu tư cao trong sản xuất nông nghiệp để bổ sung cho sự tăng trưởng trong sản xuất công nghiệp (S)
9. Mô hình 2 khu vực của Lewis cho rằng mức tiền công tối thiểu trong nông nghiệp bằng sản phẩm cận biên của lao động trong nông nghiệp (S)
10. Mô hình 2 khu vực của Lewis cho rằng khi đường cầu lao động trong khu vực công nghiệp chuyển dần sang phải thì tiền lương lao động sẽ tăng (S)
11. Mô hình 2 khu vực của tân cổ điển cho rằng tiền công trong nông nghiệp luôn bằng sản phẩm cận biên của lao động trong nông nghiệp (S)
12. Mô hình 2 khu vực của trường phái tân cổ điển cho rằng: khi lao động trong khu vực nông nghiệp chuyển sang khu vực công nghiệp, họ sẽ nhận mức tiền công cao hơn sản phẩm cận biên của lao động (S)
13. Trong mô hình của Lewis, khi lao động dư thừa trong khu vực nông nghiệp được tận dụng hết, đường cung lao động trong khu vực công nghiệp sẽ dịch chuyển sang phải (S)
14. Mô hình hai khu vực của tân cổ điển và Lewis đều dựa vào luận điểm cho rằng lao động dư thừa trong nông nghiệp và giữa hai khu vực công nghiệp và nông nghiệp phải có sự tác động với nhau ngay từ đầu (S)
15. Theo quan điểm của Oshima, sự bất bình đẳng trong xã hội có thể được hạn chế ngay từ đầu (D)
16. Mô hình chữ U ngược của Kuznets đã khẳng định rằng sự tăng trưởng kinh tế và mức công bằng xã hội luôn là hai đại lượng đồng biến với nhau (S)
17. Theo số liệu thống kê của WB thì các nước đang phát triển thu nhập thấp có hệ số Gini cao hơn các nước công nghiệp phát triển thu nhập cao (D)
18. Quan điểm của Lewis và Oshima đều cho rằng: mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và bình đẳng xã hội được vận động theo dạng chữ U ngược (S)

1. Thất nghiệp vô hình bao gồm những công nhân không có việc làm và có việc làm nhưng với mức lương rất thấp. (S) Thất nghiệp vô hình bao gồm những người có việc làm nhưng việc làm có thu nhập thấp, thời gian làm việc ít.
2. Ricardo cho rằng đất đai và vốn là những nhân tố làm hạn chế sự tăng trưởng của nền kinh tế (S) Chỉ có đất đai là hạn chế sự tăng trưởng khi sản xuất nông nghiệp trên những đất đai kém màu mỡ-chi phí sản xuất-lợi nhuận làm hạn chế tăng trưởng kinh tế
3. Sự khác nhau giữa mô hình tân cổ điển và mô hình hiện đại là lý thuyết về việc kết hợp các yếu tố đầu vào của sản xuất (vốn và lao động) (S) ngoài sự khác nhau về sự kết hợp các yếu tố đầu vào của sản xuất nó còn khác nhau về vai trò của chính phủ trong từng mô hình
4. Từ các hệ số Gini đã có với Đài Loan (0.331) và Phillipinnes (0,459) người ta có thể thấy rằng thu nhập được phân phối công bằng hơn ở Đài Loan (D) Đài Loan có hệ số Gini nhỏ hơn của Phillipines, do vậy thu nhập phân phối công bằng hơn ở Đài Loan
5. Tiết kiệm trong nước của tư nhân có hai nguồn là tiết kiệm của các công ty và tiết kiệm của hộ gia đình (S) Ngoài nguồn trên còn có nguồn từ nước ngoài về
6. Khi nền kinh tế trong hai năm liên sản xuất khối lượng hàng hoá nhưng giá năm sau lớn hơn giá năm trước 10%. Vậy GDP năm sau lớn hơn GDP năm trước 10%, vậy nền kinh tế có sự tăng trưởng (S) Tăng trưởng là sự gia tăng về quy mô sản lượng, ở đây sản lượng sản xuất bằng nhau, chỉ có giá là khác.
7. Phát triển kinh tế xảy ra khi tỉ lệ tiết kiệm GDP tăng (S) Phát triển kinh tế là quá trình lớn lên về nhiều mặt của nền kinh tế trong mỗi thời kì nhất định. Trong đó bao gồm sự tăng thêm về quy mô sản lượng và sự tiến bộ về cơ cấu KTXH
8. Điều kiện để thu hút có hiệu quả FDI là hoàn thiện cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội (D) Đầu tư của các tư nhân nước ngoài đối với các nước phát triển có hạ tầng tốt là điều kiện của các nhà đầu tư.
9. GDP là tổng sản phẩm xã hội theo quan điểm của Mark là chỉ tiêu phản ánh tổng thu nhập (S) vì theo quan điểm của Mark tổng sản phẩm xã hội bằng tổng  $C+V+m$ , thu nhập quốc dân thì chỉ bằng  $v+m$ , tức là chỉ có khu vực sản xuất vật chất mới sáng tạo ra của cải cho xã hội.
10. Chiến lược thay thế nhập khẩu và chiến lược xuất khẩu hoá phải phù hợp với nhau (S) Chiến lược thay thế nhập khẩu là đẩy mạnh sự phát triển công nghiệp trong nước nhằm sản xuất sản phẩm nội địa thay thế các sản phẩm nhập khẩu, còn chiến lược xuất khẩu là việc tận dụng các nguồn lực trong nước và các lợi thế để sản xuất hàng hoá cho xuất khẩu nhằm phát triển tổng thu nhập quốc dân.
11. Tài nguyên thiên nhiên có vai trò đối với sự phát triển (S) Tài nguyên thiên nhiên là yếu tố của thiên nhiên mà con người có thể sử dụng khai thác và chế biến để cho ra sản phẩm cho xã hội, tài nguyên thiên nhiên không phải là động lực mạnh để phát triển kinh tế
12. Phát triển kinh tế là nâng cao thu nhập đầu người (S) Phát triển kinh tế là một quá trình tăng tiến về mọi mặt của nền kinh tế trong thời kì nhất định trong đó bao gồm cả sự tăng thêm về quy mô sản lượng và sự tiến bộ về cơ cấu kinh tế xã hội
13. Kinh tế cổ điển vai trò của nhà nước có tính quyết định phát triển kinh tế (S) Phát triển kinh tế ngoài công nghiệp hoá còn phải hiện đại hoá đất nước
14. Tiền lương trong thị trường sức lao động khu vực nông thôn và thị trường phi chính thức là như nhau vì cùng được xây dựng tại điểm cân bằng trên thị trường. (S) W ở khu vực nông thôn và thành thị đều xây ở điểm cân bằng song W ở nông thôn thấp hơn khu thị thành phi chính thức
15. Phát triển kinh tế là quá trình công nghiệp hóa đất nước (S) Ngoài công nghiệp hoá còn phải hiện đại hoá
16. Tất cả các nước có nền kinh tế thị trường phát triển đều không coi trọng công tác kế hoạch hoá vĩ mô nền kinh tế (S) mỗi cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước kế hoạch hoá được tiến hành theo hai cách : vĩ mô và vi mô: Vĩ mô là kế hoạch định hướng phát triển kinh tế xã hội ở tầm quốc gia, Vi mô là kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp
17. Lợi nhuận thu được từ mỏ tài nguyên có chất lượng cao hơn và chi phí sản xuất thấp hơn gọi là lợi nhuận thông thường (S) Địa tô chênh lệch

18. HDI là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh các nhu cầu cơ bản nhất của con người vì nó bao gồm các chỉ tiêu như trình độ giáo dục, chăm sóc sức khỏe và thu nhập (D) Cấu thành của HDI bao gồm : GNP / người, tuổi thọ trung bình và trình độ văn hoá
19. Nếu hai nước có cùng tỉ lệ đầu tư và cùng mức ICCR thì 2 nước đó sẽ có cùng tăng trưởng của thu nhập bình quân đầu người. (S)  $s=s, k=k, g=g$ , nhưng tăng trưởng thu nhập bình quân =  $g$ - tốc độ tăng dân số
20. Khi thu nhập bình quân đầu người tăng lên , tỷ lệ đầu tư từ nguồn tiết kiệm ngoài nước sẽ tăng lên (S) Khi thu nhập bình quân đầu người tăng dẫn đến tích lũy nội bộ tăng (tiết kiệm trong nước tăng)
21. Khi lãi suất đầu tư giảm thì tiền lương (GDP) và mức giá (PL) sẽ thay đổi do được tổng cung dịch chuyển sang bên trái và bên phía trên (S) khi lãi suất đầu tư giảm, vốn đầu tư tăng lên làm cho được AD chuyển sang phía phải (lên trên). Sản lượng tăng làm GDP tăng, Giá PL tăng
22. Khu vực thành thị phi chính thức ở hầu hết các nước đang phát triển luôn có số người lao động xếp hàng chờ việc làm ở mức tiền lương cao hơn mức tiền lương cân bằng trên thị trường (S) Đa số những người làm việc ở khu vực thành thị phi chính thức là những người thành thị không có trình độ chuyên môn, chỉ với một số vốn nhỏ người ta có thể bán rong... hoặc làm thuê cho người khác: khối lượng lớn việc làm với mức tiền lương thấp
23. Chính sách bảo hộ thực tế của chính phủ bằng thuế có nghĩa là chính phủ đánh thuế vào hàng tiêu dùng nhập có sức cạnh tranh với hàng sản xuất trong nước (S) đây mới chỉ là bảo hộ danh nghĩa còn bảo hộ thực tế ngoài việc đánh thuế vào hàng nhập để tăng giá còn đánh vào nguyên vật liệu nhập
24. Lý thuyết lợi thế so sánh đề cập đến những sự khác nhau giữa các nước về chi phí sản xuất hàng hoá (S) đó là lợi thế tuyệt đối, còn lợi thế so sánh dựa vào chi phí so sánh
25. Những khoản tiết kiệm từ ngân sách của chính phủ các nước đang phát triển không phải nguồn vốn đầu tư cơ bản (D) ngân sách chính phủ = tổng thu-tổng chi. Trong tổng chi có phần chi cho đầu tư phát triển, xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển một số ngành mũi nhọn
26. Tốc độ tăng trưởng kinh tế được tính bằng mức tăng thêm tuyệt đối về tổng sản phẩm trong nước. (S) mức tăng tương đối so với năm gốc
27. Theo định nghĩa về thất nghiệp, tất cả những người có việc làm trong khu vực thành thị không chính thức đều được tính là thất nghiệp
28. Việc phát triển những ngành công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất thường là mục tiêu ban đầu của chiến lược thay thế hàng nhập khẩu. (S) sản xuất hàng tiêu dùng phục vụ thị trường trong nước.

**Hệ số trao đổi hàng hoá thực tế phản ánh điều kiện thương mại, thu nhập và được xác định bởi**

1. Tỷ số giữa thu nhập từ xuất khẩu và giá hàng hoá bình quân nhập khẩu
2. Tỷ số giữa giá bình quân nhập khẩu và giá bình quân xuất khẩu
3. Tỷ số thu nhập xuất khẩu và số lượng xuất khẩu
4. Tỷ số giữa giá bình quân xuất khẩu và giá bình quân nhập khẩu

**Thu nhập của các nước xuất khẩu sản phẩm thô giảm là do các nguyên nhân sau đây, ngoại trừ:**

1. Nhu cầu về lương thực, thực phẩm giảm khi thu nhập tăng
2. Tiên bộ khoa học kỹ thuật làm cho các cơ sở sản xuất ngày càng giảm định mức sử dụng nguyên vật liệu và sử dụng vật liệu thay thế
3. Nhu cầu tích lũy vốn trong các nước đang phát triển ngày càng tăng do đó họ có xu hướng tăng cung xuất khẩu sản phẩm thô
4. **Các nước phát triển không muốn mua nguyên vật liệu của các nước đang phát triển vì họ có thể sản xuất ra chúng với chi phí thấp hơn**

**Biện pháp nào trong số những can thiệp sau đây vào thị trường là biện pháp thích hợp nhất để thúc đẩy quá trình công nghiệp hoá hướng ngoại**

1. **Trợ cấp tạm thời cho những nhà xuất khẩu**
2. Đán thuế bảo hộ cao với những ngành công nghiệp được ưu tiên
3. Hạn chế về số lượng hàng nhập cạnh tranh
4. Tỷ giá hối đoái quá cao

**Trong những hoạt động dưới đây của chính phủ, hoạt động nào được xem là cơ bản tác động tới sự phát triển kinh tế**

1. Hoạt động để tăng thu ngân sách để đầu tư
2. Hoạt động vay vốn nước ngoài để đầu tư
3. **Hoạt động nhằm huy động tiết kiệm của tư nhân để đầu tư**
4. Trợ cấp cho các doanh nghiệp công cộng

**Hàm tiêu dùng của Keynes khi thu nhập tăng quá mức thu nhập giao tiêu dùng**

1. Tiết kiệm của hộ gia đình lớn hơn so với tiêu dùng
2. **Tiết kiệm của hộ gia đình là dương**
3. Tiêu dùng của hộ gia đình bắt đầu vượt quá mức cần thiết
4. Tổng lượng tiết kiệm trong nước là dương

**Trong các nước đang phát triển, tỉ suất sinh có xu hướng**

1. Cao hơn khi việc học cấp phổ thông cơ sở là bắt buộc
2. Cao hơn khi thu nhập của gia đình cao hơn
3. **Thấp hơn khi phụ nữ có các cơ hội tốt hơn để làm việc ngoài gia đình**
4. Thấp hơn khi tỉ lệ sống sót của trẻ em thấp

**Hình thức nào trong số sau đây không được coi là viện trợ chính thức hay viện trợ nước ngoài**

1. Giúp đỡ kỹ thuật

2. Viện trợ lương thực, thực phẩm
3. **Những khoản vay của các tổ chức chính thức theo các điều khoản thương mại**
4. Viện trợ đa phương

Sự thay đổi nào dưới đây, nhìn chung không phải là sự thay đổi cơ cấu kèm theo sự phát triển

1. **Nghèo đói tăng lên ở các vùng nông thôn**
2. Tăng tỉ lệ sản lượng công nghiệp trong GDP
3. Dân cư phi nông nghiệp tăng
4. Tất cả những thay đổi trên

**Ba thành phần của HDI là:**

1. Tuổi thọ, chăm sóc sức khỏe và sthu nhập
2. Tuổi thọ, trình độ giáo dục và thu nhập
3. **Trình độ giáo dục, chăm sóc sức khỏe và thu nhập**
4. Dinh dưỡng phân phối thu nhập và tuổi thọ

**Để khuyến khích có hiệu quả các ngành công nghiệp trong nước, các chính sách bảo hộ thay thế về hàng nhập khẩu phải**

1. Không bao gồm các hạn ngạch nhập khẩu
2. Luôn mang tính tạm thời
3. **Tập trung vào các ngành sản xuất hàng tiêu dùng công nghiệp**
4. Tất cả a và b

**Để tính hệ số GNP cho đường cong Lorenz, người ta tính tỉ lệ**

1.  **$A/(A+B)$**
2.  $B/(A+B)$
3.  $C/(A+B)$
4.  $A/B$

**Tác động nào dưới đây có ảnh hưởng trực tiếp tới tăng trưởng kinh tế**

1. Giảm bất bình đẳng trong phân phối thu nhập
2. Đổi mới chính sách kinh tế vĩ mô
3. Bố trí cơ cấu kinh tế hợp lý
4. **Đầu tư đổi mới công nghệ và kĩ thuật sản xuất**

**Trong các nước phát triển, nguồn tiết kiệm để tích lũy chủ yếu là:**

1. Tiết kiệm từ ngân sách nhà nước
2. Tiết kiệm của dân cư
3. Tiết kiệm của các xí nghiệp kinh doanh
4. **Tất cả các nguồn trên**

**Yếu tố nào trong các yếu tố sau không tác động đến xu hướng giảm mức thu nhập của các nước xuất khẩu sản phẩm thô**

1. **Cung xuất khẩu sản phẩm thô giảm**
2. Cầu xuất khẩu sản phẩm thô giảm
3. Cung xuất khẩu sản phẩm thô tăng
4. Tất cả các yếu tố trên

**Nhân tố nào dưới đây là nhân tố trực tiếp quyết định sự tăng trưởng kinh tế của quốc gia**

1. Phân bổ hợp lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực
2. **Tăng quy mô tiết kiệm và đầu tư trong nước**
3. Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế
4. Cả a và b

**Khi đường đồng sản lượng có dạng hình chữ L hàm sản xuất là**

1. Tân cổ điển
2. **Hệ số cố định**
3. Tổng quát
4. Mac

**Sự khác biệt chủ yếu giữa việc sử dụng thuế quan bảo hộ và hạn ngạch nhập khẩu là**

1. **Chính phủ không thu được tiền bằng cách cấp hạn ngạch**
2. Cách thức xác định lượng bằng nhập khẩu

**Chiến lược thay thế bằng nhập khẩu thường dẫn tới mặt hạn chế nào sau đây:**

1. Tạo ra những ngành có chi phí sản xuất cao và không có khả năng cạnh tranh
2. Làm tăng số thiếu hụt ngoại tệ
3. Hạn chế sự tạo thành cơ cấu công nghiệp đa dạng trong nước
4. **Tất cả những điều trên**

**Mô hình của Keynes về tăng trưởng kinh tế cho rằng**

1. Tiền công và giá cả luôn phản ứng lại một cách nhanh chóng trạng thái mất cân bằng của nền kinh tế
2. Chính phủ có thể tác động đến AD để giảm thất nghiệp
3. Khoa học kỹ thuật là yếu tố quan trọng nhất tác động đến tăng trưởng
4. **Tất cả những điều kể trên**

**Để xếp loại các nước nghèo, ngân hàng thế giới đưa vào các tiêu thức sau đây, ngoại trừ**

1. Tài sản được sản xuất ra như máy móc, các nhà máy, đường xá, cá cơ sở hạ tầng khác
2. **Tổng sản phẩm quốc dân và tổng sản phẩm quốc nội bình quân đầu người**
3. Tài nguyên thiên nhiên bao gồm đất đai, khoáng sản và môi trường
4. Sức mạnh con người như mức dinh dưỡng và trình độ giáo dục

**Những mục nào dưới đây sẽ không tính vào mục chi tiêu dùng của chính phủ**

1. Chi tiêu của chính phủ để mua vũ khí quân sự
2. Chi tiêu của chính phủ cho công trình thủy lợi
3. Chi lương cho giáo viên
4. **Không có nhu cầu nào kể trên**

**Với điều kiện cách thức khác không thay đổi, mức bảo hộ với ngành giấy da sẽ càng cao**

1. Nếu mức thuế nhập khẩu đánh vào giá nhân công thấp
2. Nếu giá trị tăng của ngành giấy cao
3. Nếu mức thuế nhập khẩu đánh vào giấy càng cao
4. **Nếu xảy ra tất cả các điều kiện kể trên**

**Hệ số trao đổi hàng hoá thực tế phản ánh điều kiện thương mại theo thu nhập và được xác định bởi**

1. Tỉ số giữa thu nhập từ xuất khẩu và giá bình quân hàng hoá nhập khẩu
2. tỉ số giữa giá bình quân nhập khẩu và giá bình quân xuất khẩu
3. Tỉ số giữa thu nhập xuất khẩu và số lượng xuất khẩu
4. **Tỉ số giữa giá bình quân xuất khẩu và giá bình quân nhập khẩu**

**Kết quả của một phát minh sáng chế dẫn đến tăng sản lượng đầu vào, lao động không đổi thì đó là kết quả của**

1. Thay đổi công nghệ của tiết kiệm vốn
2. Thay đổi công nghệ tăng lao động
3. Thay đổi của công nghệ tăng vốn
4. **Thay đổi công nghệ tiết kiệm lao động**

**Mệnh đề nào trong số các mệnh đề sau đây không là một chính sách áp dụng ở nước đang phát triển để hi vọng giảm tỉ lệ tăng dân số**

1. Cố gắng thuyết phục dân chúng có quy mô gia đình nhỏ hơn thông qua cá phương tiện thông tin và quá trình giáo dục
2. Cố gắng bắt mọi người phải có quy mô gia đình nhỏ hơn thông qua sức mạnh của nhà nước và các hình phạt
3. Sự sử dụng các đòn bẩy kinh tế như giảm hoặc loại bỏ chi phí trường học
4. **Đề cao vai trò xã hội và kinh tế của phụ nữ**

**Sự chênh lệch giá bán và chi phí khai thác tài nguyên là**

1. Lợi nhuận thông thường
2. Chi phí công
3. Thực doanh thu
4. **Địa tô**

**Chỉ tiêu nào trong số sau được coi là yếu tố cấu thành vốn sản xuất**

1. Giá trị khấu hao máy móc thiết bị
2. Khối lượng tiền trong sử dụng lưu thông
3. **Giá trị máy móc thiết bị đang hoạt động sản xuất**
4. Giá trị nguyên vật liệu được sử dụng cho hoạt động sản xuất



**Đặc điểm nào dưới đây không phải là đặc điểm của thương mại quốc tế**

1. Thực hiện chuyên môn hoá
2. **Cải tiến sự phân phối về của cải và thu nhập**
3. Tăng sự phụ thuộc của một quốc gia vào thị trường
4. Cả hai bên cùng có lợi

**Chỉ số nào trong số sau đây đánh giá sự phát triển thực sự của một quốc gia**

1. **Thu nhập bình quân đầu người**
2. Tổng sản phẩm quốc nội
3. Chỉ số phát triển nhân lực
4. Mức tài sản quốc gia tính bình quân đầu người



1. Mô hình cổ điển cho rằng đất đai là yếu tố quan trọng của tăng trưởng, đồng thời là yếu tố giới hạn của tăng trưởng (D)
2. Theo Mác, đất đai, lao động, vốn, tiến bộ khoa học kỹ thuật là những nhân tố tác động đến tăng trưởng kinh tế, trong đó vai trò của tiến bộ kỹ thuật là quan trọng nhất (S)
3. Keynes cho rằng nền kinh tế có thể tự điều chỉnh đi đến điểm cân bằng ở mức sản lượng tiềm năng (S)
4. Lý thuyết tktk hiện đại thống nhất với mô hình tân cổ điển về việc xây dựng yếu tố quan trọng nhất tác động đến tktk (D)
5. Ở các nước đang phát triển, tất cả những người chưa có việc làm ở khu vực thành thị phi chính thức đều được coi là thất nghiệp trá hình (S)
6. tktk và vấn đề cải thiện đời sống quảng đại quần chúng là 2 đại lượng đồng biến với nhau (S)
7. Chỉ tiêu ADI của UNDP là chỉ tiêu đánh giá tổng các nhu cầu cơ bản của con người (S)
8. Nguồn lao động là những người trong độ tuổi lao động theo quy định của nhà nước và có khả năng tham gia vào lao động (S)
9. Những người trong độ tuổi lao động là những người tạo ra thu nhập cho đất nước (S)
10. Thất nghiệp theo khái niệm là phản ánh đúng tình trạng chưa sử dụng hết lao động của các nước đang phát triển (S)
11. Theo mô hình 2 khu vực của trường phái tân cổ điển, một khu vực nông nghiệp trì trệ sẽ làm cho mức tiền lương trong công nghiệp tăng nhanh (D)
12. Theo mô hình Harod Domar, nếu 2 nước có cùng hệ số gia tăng vốn sản lượng, có cùng mức tích lũy sẽ có cùng tốc độ tăng trưởng (S)
13. Vốn đầu tư và vốn sản xuất sẽ tác động đến sự tăng trưởng kinh tế thông qua kích thích tổng cầu (S)
14. Thuế quan bảo hộ thực tế là thuế đánh với tỉ lệ thuế suất cao vào hàng hoá tiêu dùng cuối cùng và tỉ lệ thấp vào hàng hoá tiêu dùng trung gian (D)
15. Một trong những hạn chế chiến lược thay thế hàng nhập khẩu là giảm khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước (D)
16. Trong điều kiện cầu cafe trên thế giới tăng chậm thì việc mở rộng sản xuất cung ứng sẽ dẫn đến làm giảm thu nhập (D)
17. Theo số liệu thống kê của WB thì các nước đang phát triển thu nhập có hệ số Gini cao hơn các nước phát triển
18. Quyết định của Lewis và Oshima đều cho rằng mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và bất bình đẳng xã hội đều theo dạng chữ U ngược (S)
19. Trong mô hình 2 khu vực của Lewis, khi lao động dư thừa, thì khu vực nông nghiệp được tận dụng hết đường cung lao động trong khu vực công nghiệp dịch chuyển sang phải (S)
20. Mô hình 2 khu vực của Lewis và tân cổ điển đều dựa vào quan điểm cho rằng có lao động dư thừa trong nông nghiệp và giữa 2 khu vực công nghiệp, nông nghiệp phải có sự tác động qua lại lẫn nhau ngay từ đầu (S)

## CÁC MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

Jun 7, 2007 in [Socio Xã hội](#)

Để nghiên cứu kinh tế, các nhà kinh tế học thường sử dụng mô hình hay học thuyết.

Các mô hình là khuôn mẫu để tổ chức phương pháp tư duy về một vấn đề. Các mô hình được đơn giản hoá bằng cách bỏ qua một vài chi tiết của thế giới hiện thực, qua đó tập trung vào các điểm chính yếu, từ đó giúp chúng ta triể khai phân tích xem nền kinh tế hoạt động thế nào. Trong khi lập mô hình, chúng ta có quyền bỏ qua những chi tiết không quan trọng của hiện thực, nhưng nếu chúng ta lập quá đơn giản, bỏ qua những chi tiết quan trọng thì mô hình sẽ không có tác dụng, và sẽ không phù hợp với thế giới hiện thực.

Giữa mô hình kinh tế và số liệu thực tế có mối quan hệ chặt chẽ, các số liệu tương tác với mô hình theo hai hướng: số liệu giúp lượng hoá các quan hệ mà mô hình lý thuyết quan tâm; số liệu giúp ta kiểm nghiệm mô hình.

Như vậy, để tiến hành xây dựng mô hình kinh tế, người ta phải bắt đầu bằng việc thu thập các số liệu để tìm mối quan hệ logic giữa các yếu tố của nền kinh tế, sau đó sử dụng các kết quả đã phân tích để xây dựng mô hình quan hệ kinh tế. Cuối cùng, dù muốn ủng hộ lý thuyết nào chăng nữa, chúng ta vẫn phải kiểm nghiệm bằng số liệu thực tế.

Vậy, mô hình kinh tế chính là cách thức diễn đạt những con đường, hình thái, nội dung phát triển kinh tế của các quốc gia thông qua các biến số, các nhân tố kinh tế trong quan hệ chặt chẽ với các điều kiện chính trị, xã hội. Các mô hình có thể được diễn đạt dưới dạng lời văn, biểu đồ, đồ thị hoặc phương trình toán học

### Mô hình cổ điển

Được hình thành cách đây 200 năm bởi Adam Smith và Ricardo, mô hình này có những nội dung căn bản sau:

Yếu tố cơ bản của tăng trưởng kinh tế là đất đai, lao động và vốn. Trong ba yếu tố trên thì đất đai là yếu tố quan trọng nhất, là giới hạn của sự tăng trưởng.

Phân chia xã hội thành 3 nhóm người: địa chủ, tư bản và công nhân. Sự phân phối thu nhập của ba nhóm này phụ thuộc vào quyền sở hữu của họ đối với các yếu tố sản xuất. Địa chủ có đất thì nhận địa tô, tư bản có vốn thì nhận lợi nhuận, công nhân có sức lao động thì nhận tiền công. Cách phân phối này được họ cho là hợp lý. Vậy, thu nhập xã hội = địa tô + lợi nhuận + tiền công

Trong 3 nhóm người này, thì nhà tư bản giữ vai trò quan trọng trong cả sản xuất, tích lũy và phân phối. Họ đứng ra tổ chức sản xuất, giành lại một phần lợi nhuận để tích lũy và chủ động trong quá trình phân phối.

Các nhà kinh tế học cổ điển còn cho rằng, hoạt động của các chủ thể kinh tế bị chi phối bởi bàn tay vô hình-cơ chế thị trường, phủ nhận vai trò của nhà nước, cho rằng đây là cản trở cho phát triển kinh tế.

### Mô hình của Các-Mác

Theo Mác, các yếu tố tác động đến tăng trưởng kinh tế là đất đai, lao động, vốn, tiến bộ kỹ thuật

Mác đặc biệt quan tâm đến vai trò của lao động trong quá trình tạo ra giá trị thặng dư. Theo Mác, sức lao động đối với nhà tư bản là một loại hàng hoá đặc biệt. Trong quá trình nhà tư bản sử dụng lao động, hàng hoá sức lao động tạo ra giá trị lớn hơn giá trị bản thân nó, giá trị đó bằng giá trị sức lao động dành cho bản thân người lao động, cộng với giá trị thặng dư dành cho tư bản và địa chủ.

Về yếu tố vốn và tiến bộ kỹ thuật, Mác cho rằng mục đích của các nhà tư bản là tăng giá trị thặng dư, tuy nhiên, việc tăng sức lao động cơ bắp của người công nhân cần dựa vào cải tiến kỹ thuật. Tiến bộ kỹ thuật làm tăng số máy móc và dụng cụ lao động, nghĩa là cấu tạo hữu cơ của tư bản C/V có xu hướng tăng lên. Do đó, các nhà tư bản cần nhiều tiền vốn hơn để mua máy móc, trang thiết bị, ứng dụng công nghệ mới. Cách duy nhất để gia tăng vốn là tiết kiệm. Vì vậy, các nhà tư bản chia giá trị thặng dư ra hai phần: một phần để tiêu dùng, một phần tích lũy phát triển sản xuất. Đó là nguyên lý tích lũy của chủ nghĩa tư bản.

Cũng như các nhà kinh tế học cổ điển, Mác cho rằng khu vực sản xuất ra của cải vật chất cho xã hội gồm 3 nhóm: địa chủ, tư bản, công nhân. Tương ứng, thu nhập của họ là địa tô, lợi nhuận và tiền công. Tuy nhiên, sự phân phối này mang tính bóc lột: thực chất là 2 giai cấp: bóc lột và bị bóc lột.

Các nhà kinh tế trước Mác chỉ phân biệt rõ hai thuộc tính có mâu thuẫn của hàng hoá: Giá trị sử dụng và giá trị trao đổi. Trái lại, Mác khẳng định rằng hàng hoá là sự thống nhất biện chứng của hai mặt: giá trị sử dụng và giá trị. Mác là người đầu tiên đưa ra tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hoá và xây dựng lý

luận về tư bản bất biến, tư bản khả biến, hoàn thiện việc phân chia tư bản sản xuất thành tư bản cố định và tư bản lưu động.

Về mặt giá trị: Mác đã phân chia sản phẩm xã hội thành 3 phần  $c+v+m$ , trên cơ sở đó, Mác cho rằng :

Tổng sản phẩm xã hội  $= c+v+m$

Tổng thu nhập quốc dân  $= v+m$

C: tư bản bất biến

V: tư bản khả biến

M: giá trị thặng dư

Về mặt hiện vật, Mác chia làm hai khu vực:

Khu vực 1: sản xuất ra tư liệu sản xuất

Khu vực 2: sản xuất ra tư liệu tiêu dùng

Về quan hệ cung cầu và vai trò của nhà nước: trong khi phân tích chu kỳ kinh doanh và khủng hoảng kinh tế của chủ nghĩa tư bản, Mác cho rằng, khủng hoảng thừa do thiếu số cầu tiêu thụ, đây là biểu hiện của mức tiền công giảm và mức tiêu dùng của cá nhân nhà tư bản cũng giảm vì khát vọng tăng tích lũy. Muốn giải thoát khỏi khủng hoảng, nhà nước phải có những biện pháp kích cầu nền kinh tế.

Như vậy, Mác đã đặt nền tảng đầu tiên cho xác định vai trò của nhà nước trong điều tiết cung cầu kinh tế

### **Mô hình tân cổ điển về tăng trưởng kinh tế**

Vào cuối thế kỷ 19, cùng với sự tiến bộ của khoa học và công nghệ, trường phái kinh tế tân cổ điển ra đời. Bên cạnh một số quan điểm về tăng trưởng kinh tế tương đồng cùng trường phái cổ điển như sự tự điều tiết của bàn tay vô hình, mô hình này có các quan điểm mới sau:

Đối với các nguồn lực về tăng trưởng kinh tế, mô hình nhấn mạnh vai trò đặc biệt quan trọng của vốn. Từ đó họ đưa ra hai khái niệm:

Phát triển kinh tế theo chiều sâu: tăng trưởng dựa vào sự gia tăng số lượng vốn cho một đơn vị lao động

Phát triển kinh tế theo chiều rộng: tăng trưởng dựa vào sự gia tăng vốn tương ứng với sự gia tăng lao động

Để chỉ quan hệ giữa gia tăng sản phẩm và tăng đầu vào, họ sử dụng hàm sản xuất Cobb-Douglas  $Y=F(k,l,r,t)$

Sau khi biến đổi, Cobb-Douglas thiết lập mối quan hệ theo tốc độ tăng trưởng các biến số:  $g=t+ak+bl+cr$

Trong đó:

G: tốc độ tăng trưởng GDP

K,l,r: tốc độ tăng của các yếu tố đầu vào: vốn, lao động, tài nguyên

T phần dư còn lại, phản ánh tác động khoa học kỹ thuật

A, b, c: các hệ số, phản ánh tỉ trọng của các yếu tố đầu vào trong tổng sản phẩm:  $a+b+c=1$

### **Mô hình của Keynes về tăng trưởng kinh tế**

Nhấn mạnh vai trò của tổng cầu trong xác định sản lượng của nền kinh tế: sau khi phân tích các xu hướng biến đổi của tiêu dùng, tiết kiệm, đầu tư, và ảnh hưởng của chúng đến tổng cầu, khẳng định cần thực hiện nhiều biện pháp để nâng cao tổng cầu và việc làm trong xã hội

Nhấn mạnh vai trò điều tiết của nhà nước thông qua các chính sách kinh tế. Những chính sách làm tăng tiêu dùng: tác động vào tổng cầu như: sử dụng ngân sách nhà nước để kích thích đầu tư thông qua các đơn đặt hàng của nhà nước và trợ cấp vốn cho các doanh nghiệp, giảm lãi suất ngân hàng để khuyến khích đầu tư, đánh giá cao vai trò của hệ thống thuế, công trái nhà nước để bổ sung ngân sách, tăng đầu tư của nhà nước vào các công trình công cộng và một số biện pháp hỗ trợ khác khi đầu tư tư nhân giảm sút

Phát triển tư tưởng của Keynes, vào những năm 40 của thế kỷ 20, hai nhà kinh tế học là Harrod người Anh và Domar người Mỹ đưa ra mô hình xem xét mối quan hệ tăng trưởng với các nhu cầu về vốn  $g=s/k=i/k$

Trong đó:

G: tốc độ tăng trưởng

S: tỉ lệ tiết kiệm

I: tỉ lệ đầu tư

K: hệ số ICOR: hệ số gia tăng tư bản- đầu ra

hệ số ICOR phản ánh trình độ kỹ thuật của sản xuất và là số đo năng lực sản xuất của đầu tư (để tăng 1 đồng tổng sản phẩm cần k đồng vốn)

Mô hình tăng trưởng kinh tế hiện đại của P.A. Samuelson-hỗn hợp

Sau một thời gian áp dụng mô hình kinh tế chỉ huy của Keynes, quá nhấn mạnh tới vai trò bàn tay hữu hình của nhà nước thông qua các chính sách kinh tế vĩ mô, hạn chế bàn tay vô hình, tạo trở ngại cho quá trình tăng trưởng. Các nhà kinh tế học của trường phái hỗn hợp ủng hộ việc xây dựng một nền kinh tế hỗn hợp. Trên thực tế, hầu hết các quốc gia trên thế giới đều áp dụng mô hình kinh tế hỗn hợp ở những mức độ khác nhau, vì thế, đây được coi là mô hình tăng trưởng kinh tế hiện đại, nội dung cơ bản của nó là:

Giống mô hình của Keynes, quan niệm sự cân bằng của kinh tế xác định tại giao AS và AD

Thống nhất với mô hình kinh tế tân cổ điển, mô hình kinh tế học hiện đại cho rằng, tổng mức cung của nền kinh tế được xác định bởi các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất, đó là tài nguyên, lao động, vốn, khoa học công nghệ. Thống nhất với kiểu phân tích của hàm sản xuất Cobb-Douglass về sự tác động của các yếu tố trên với tăng trưởng.

Các nhà kinh tế học hiện đại cũng thống nhất với mô hình Harrod-Domar về vai trò tiết kiệm và vốn đầu tư trong tăng trưởng kinh tế.

Chính vì thế, nhiều người cho rằng mô hình kinh tế hỗn hợp là sự xích lại gần nhau của học thuyết kinh tế tân cổ điển và học thuyết kinh tế của Keynes.